

Bản án số: 129/2026/HNGĐ - ST.
Ngày: 24 – 3 – 2026.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực;
2. Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2025/TLST – HNGĐ, ngày 27 tháng 01 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Sơn Thị P, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp B, xã C, thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094195008135, cấp ngày 10/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp B, xã C, thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094087011553; ngày cấp: 28/9/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Sơn Thị P trình bày:

Vào năm 2014, bà Sơn Thị P và ông Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 07/02/2014. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến tháng 6/2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc do không tìm được tiếng nói chung nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà không

có 03 người con chung là Võ Hoài A, sinh ngày 11/8/2015; Võ Thanh K, sinh ngày 02/12/2016 và Võ Văn T1, sinh ngày 02/01/2024. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/3/2026, bà Sơn Thị P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với ông Võ Văn T; về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Võ Văn T1, sinh ngày 02/01/2024 đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; giao cho ông Võ Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Hoài A, sinh ngày 11/8/2015; Võ Thanh K, sinh ngày 02/12/2016 đến khi thành niên, bà P không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Võ Văn T:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Sơn Thị P.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Võ Văn T1, sinh ngày 02/01/2024 cho bà Sơn Thị P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; giao con chung là cháu Võ Hoài A, sinh ngày 11/8/2015 và cháu Võ Thanh K, sinh ngày 02/12/2016 cho ông Võ Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà P và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà P và ông T đều chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Bà Sơn Thị P xác định trong thời gian chung sống bà và ông Võ Văn T không có tài sản chung, bà không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Sơn Thị P xác định trong thời gian chung sống bà và ông Võ Văn T không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2]. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/3/2026, bà Sơn Thị P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Võ Văn T1, sinh ngày 02/01/2024 đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; giao cho ông Võ Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Hoài A, sinh ngày 11/8/2015; Võ Thanh K, sinh ngày 02/12/2016 đến khi thành niên, bà P không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị P xác định ông và ông Võ Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 2014, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ, đăng ký ngày 07/02/2014. Hôn nhân của bà Sơn Thị P và ông T tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Sơn Thị P và ông Võ Văn T là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Sơn Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T với lý do trong quá trình chung sống được một thời gian ngắn sau khi kết hôn thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ tháng 6/2025 cho đến nay. Từ khi bà Sơn Thị P chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Võ Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không T bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa

bà Sơn Thị P và ông Võ Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Sơn Thị P được ly hôn với ông Võ Văn T.

[4]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

+ Về con chung: Bà Sơn Thị P xác định trong thời gian chung sống bà và ông T có 03 (ba) người con chung là Võ Hoài A, sinh ngày 11/8/2015; Võ Thanh K, sinh ngày 02/12/2016 và Võ Văn T1, sinh ngày 02/01/2024; cháu T1 hiện đang chung sống với bà, riêng cháu A và cháu K đang sống chung với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà Sơn Thị P xác định từ khi bà và ông T sống ly thân thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, hiện nay cháu vẫn đang chung sống với bà nên bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là cháu Võ Hoài A và cháu Võ Thanh K hiện đang sống chung với ông T nên bà giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà P và ông T đã không còn chung sống với nhau từ khi ly thân cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu T1 chung sống với bà P, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu A và cháu K đang sống chung với ông T do ông trực tiếp nuôi dưỡng và cuộc sống của cháu đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của các cháu; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn trình bày nguyện vọng của mình thì cháu A và cháu K cũng có nguyện vọng được chung sống với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T1 cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cho A và cháu K cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Sơn Thị P và ông Võ Văn T mà không ai được ngăn cản.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án do bà P và ông T đều chưa có yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Sơn Thị P xác định bà và ông Võ Văn T không có tài sản chung, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Sơn Thị P xác định bà và ông Võ Văn T không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Sơn Thị P phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Võ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Sơn Thị P được ly hôn với ông Võ Văn T.
2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Võ Văn T1, sinh ngày 02/01/2024 cho bà Sơn Thị P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; giao con chung là cháu Võ Hoài A, sinh ngày 11/8/2015 và cháu Võ Thanh K, sinh ngày 02/12/2016 cho ông Võ Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà Sơn Thị P và ông Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn bà Sơn Thị P và ông Võ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001812 ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự, thành phố Cần Thơ. Như vậy, bà Sơn Thị P đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Võ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.
5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ (PGĐ, KT, TT và THA);
- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- Cơ quan THADS Thành phố Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Cù Lao Dung, Tp Cần Thơ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Hoàng Bảo